

Số: 23/QĐ-SNNTPTNT

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ kế hoạch trọng tâm năm 2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kèm theo Quyết định này gồm: Chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ kế hoạch trọng tâm năm 2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khung nhiệm vụ trọng tâm năm 2019 và Biểu chỉ tiêu Kế hoạch năm 2018.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Ban Giám đốc Sở và lãnh đạo các đơn vị, phòng chức năng thuộc Sở căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Lưu VT, KH. btnam



Trịnh Minh Hoàng

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT
(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/QĐ-SNNPTNT ngày 28/01/2019)

I. Mục đích, yêu cầu:

1. Mục đích:

Tập trung thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp thích ứng với ứng phó biến đổi khí hậu và gắn với xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh thực hiện các khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm trong công tác chỉ đạo điều hành; huy động, sử dụng tốt nhất mọi nguồn lực, tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương để đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh,... đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh của ngành nông nghiệp; phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn, bền vững, giảm thiểu tác động đến môi trường sinh thái; từng bước cải thiện thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn; xây dựng bộ máy kỷ cương, liêm chính, hành động, phục vụ.

2. Yêu cầu:

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến hoạt động của ngành (Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 10/10/2016; Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 11/11/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XIII và Nghị quyết số 73/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016 của HĐND tỉnh và Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh về cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu đến năm 2020 và tầm nhìn 2030; Nghị quyết số 05-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng Khóa XII; Chương trình hành động số 243-CTr/TU ngày 21/12/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 37-KL/TW ngày 17/10/2018 của BCH Trung ương Khóa XII về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2018 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2019; Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh Ban hành Chương trình hành động của UBND tỉnh nhiệm kỳ 2016-2021; Kế hoạch 3615/KH-UBND ngày 07/9/2016 của UBND tỉnh về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020; Chỉ thị số 45/CT-TTg về khắc phục thẻ vàng của EU,...).

- Cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước bằng các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để tạo đột phá trong nhiệm vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu và xây dựng nông thôn mới; quyết tâm cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường



kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật; đề cao trách nhiệm người đứng đầu;

- Phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên Ban Giám đốc Sở, các phòng và đơn vị thuộc Sở việc chỉ đạo điều hành thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 được Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho ngành.

II. Các chỉ tiêu kế hoạch:

- Giá trị sản xuất nông lâm thủy sản (giá so sánh năm 2010) tăng 6-7%, trong đó nông nghiệp tăng 6-7%; thủy sản tăng 5-6%.

- Giá trị sản xuất trên 01 ha đất canh tác chủ động nước 120 triệu đồng;

- Độ che phủ rừng đạt 46,3%; diện tích trồng mới rừng phòng hộ và rừng đặc dụng 455 ha; diện tích giao khoán bảo vệ 61.181 ha và khoanh nuôi tái sinh rừng 3.544 ha;

- Tỷ lệ hộ dân nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh 94%; Tỷ lệ hộ dân nông thôn có công trình hợp vệ sinh 76%.

- Tỷ lệ các điểm nguy cơ xảy ra thiên tai có biển cảnh báo về đuối nước, sạt lở đất 75%; tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có trẻ em được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh trong và sau thiên tai.

- Tổng diện tích gieo trồng 86.000 ha; tổng sản lượng lương thực 336.000 tấn, trong đó lúa 281.300 tấn; sản lượng mỳ tươi 64.100 tấn; sản lượng mía cây 194.000 tấn; nho 37.400 tấn; táo 32.100 tấn;

- Tổng đàn gia súc 525.900 con; trong đó gia súc có sừng 428.900 con, tỷ lệ sin hóa đàn bò đạt 41,5%; tổng đàn gia cầm 1,7 triệu con; sản lượng thịt hơi các loại 30.700 tấn (gia súc 26.400 tấn; gia cầm 4.300 tấn);

- Sản lượng hải sản khai thác 113.305 tấn; sản lượng nuôi trồng thủy sản 10.010 tấn, trong đó sản lượng tôm thương phẩm 7.000 tấn; sản lượng giống thủy sản 33.150 con, trong đó tôm giống 33 tỷ con; năng lực tàu cá 2.520 chiếc với 420.000 CV.

III. Các giải pháp triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2019

1. Tập trung công các tuyên truyền:

- Luật và các văn bản dưới Luật về các lĩnh vực: Thủy lợi, Thủy sản, Trồng trọt, Thú y và Lâm nghiệp.

- Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ và kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại thông báo 416 về cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận

- Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu; các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

2. Công tác tham mưu:

- Tham mưu Tỉnh ủy Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy về tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu.

- Tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết quy định khu vực nội thị, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi; Nghị quyết quy định vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ hệ thống thủy lợi vừa và nhỏ,....

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định số 65/2017/QĐ-UBND; Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2020; Quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng CNC; Quy hoạch 3 loại rừng; Quyết định về Chính sách, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông (theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP); Quyết định quy định quản lý, khai thác các cảng cá; Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; chính sách hỗ trợ hệ thống thủy lợi vừa và nhỏ;.... Tham mưu hoàn tất hồ sơ tiếp nhận và triển khai dự án muối Quán Thê.

3. Tập trung chỉ đạo phát triển nông, lâm và thủy sản theo Đề án Cơ cấu lại ngành nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu:

a) Triển khai các quy hoạch, kế hoạch, đề án, chính sách và theo dõi, đánh giá:

- Triển khai Quy hoạch “Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”: Tham mưu bổ sung vào Quy hoạch quốc gia; kế hoạch triển khai 2019-2020; Đề án thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Trên cơ sở đó, lựa chọn địa điểm có điều kiện thuận lợi, khả thi nhất để giới thiệu, kêu gọi ít nhất 1 doanh nghiệp đầu tư phát triển dự án nông nghiệp công nghệ cao.

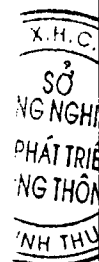
- Triển khai các Kế hoạch thực hiện Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn 2019.

- Triển khai Đề án “Mỗi xã một sản phẩm”, tập trung các sản phẩm đã có chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận để xây dựng 3-5 sản phẩm đạt chuẩn OCOP quốc gia.

- Tập trung triển khai Đề án “Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác nông nghiệp”; hỗ trợ các hợp tác xã để nâng cao chất lượng hoạt động; xây dựng các liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản gắn với xây dựng nông thôn mới.

b) Lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi:

- Hỗ trợ xây dựng các liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản: Duy trì 14 liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm (đã xây dựng 2018), xây dựng mới 12 liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt; Trong chăn nuôi duy trì 03 liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi (đã xây dựng 2018), xây dựng mới 02 liên kết sản xuất gắn với giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và xây dựng thương hiệu sản phẩm chăn nuôi.



- Chuyển đổi 1.500-2.000 ha sang cây trồng cạn có hiệu quả: Tổng hợp Đề án chuyển đổi (theo đề án của các địa phương) bền vững tại khu vực tưới các hồ, đập có dung tích nhỏ (Hồ Phước Nhơn, Bầu Zôn,...), khu vực tưới các trạm bơm động lực và vùng tưới thuộc hệ thống kênh Tân Mỹ; Kế hoạch chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng cạn tiết kiệm nước, các sản phẩm đặc thù của tỉnh.

- Tiếp tục duy trì và phát triển đàn gia súc, gia cầm, nhất là chăn nuôi đại gia súc gắn với phát triển đồng cỏ.

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

c) Lĩnh vực thủy sản:

- Triển khai Kế hoạch tổ chức lại nuôi trồng thủy sản theo hướng đầu tư ứng dụng công nghệ cao, cấu trúc vùng nuôi Đầm Nại thành khu nuôi sinh thái bền vững. Hỗ trợ phát triển các đối tượng nuôi mới có giá trị cao như cá biển, ốc hương, hào Thái Bình Dương; tổ chức Hội nghị chuyên đề về nuôi trồng thủy sản; lựa chọn đối tượng nuôi hiệu quả để phát triển nuôi thủy sản sinh thái tại đầm Nại và các vùng nuôi biển; quản lý, sử dụng hiệu quả nhãn hiệu chứng nhận “tôm giống Ninh Thuận”.

- Tiếp tục thực hiện Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, 17/2018/NĐ-CP gắn với Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg, Đề án Tổ chức lại nghề khai thác hải sản, Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2018-2020 và Nghị quyết 07-NQ/TU của Tỉnh ủy về Phát triển kinh tế biển đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; chỉ đạo triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 45/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về khắc phục cảnh báo của Châu Âu; tập trung ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi sử dụng chất nổ, chất độc, xung điện và lưới vây rút mùng để khai thác thủy sản; phát triển các tổ đội khai thác xa bờ, các đội tàu dịch vụ, tập trung cho công tác dự báo và thông tin ngư trường khai thác thủy sản nhằm tăng cơ cấu sản phẩm khai thác vùng khơi có giá trị cao.

d) Lĩnh vực lâm nghiệp:

Triển khai có hiệu quả Quy hoạch, kế hoạch 03 loại rừng: Tập trung triển khai các giải pháp quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả diện tích rừng hiện có và quỹ đất quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp gắn với các Chương trình, dự án bảo vệ và phát triển rừng, phát triển sinh kế, thu nhập cho các hộ dân thông qua các mô hình nông lâm kết hợp (*chăn nuôi, trồng cây dược liệu,...*); Triển khai Đề án phục hồi và trồng rừng mới ở các lưu vực hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài nguyên đất đai đã giao cho các các tổ chức, cá nhân vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung trồng có hiệu quả các dự án có trồng rừng thay thế.

Tăng cường công tác phòng chống phá rừng, phòng chống cháy rừng, vận chuyển lâm sản trái phép.

đ) Công tác thủy lợi, phòng và ứng phó với thiên tai:

Triển khai có hiệu quả Quy hoạch thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu; chuẩn bị các phương án phòng ứng phó hạn hán gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo dự báo khí tượng, thủy văn phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; Kế hoạch phòng chống hạn; Kế hoạch phòng chống lụt bão trong mùa mưa; hỗ trợ UBND huyện Ninh Phước tổ chức diễn tập ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

e) Công tác quản lý chất lượng sản phẩm nông lâm thủy sản: Tập trung cho công tác tuyên truyền; tổ chức kiểm tra về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất nông lâm, thủy sản; hỗ trợ xây dựng mô hình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo quy định đối với các cơ sở chế biến nông lâm thủy sản; đảm bảo nước sạch và VSMT nông thôn, nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống cho người dân.

4. Xây dựng nông thôn mới:

Hỗ trợ các địa phương rà soát đánh giá lại kết quả thực hiện các tiêu chí Nông thôn mới theo Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời hướng dẫn thực hiện hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo. Phân công và chỉ đạo các đơn vị thuộc Sở lồng ghép các hoạt động của ngành hỗ trợ các xã điểm phát triển sản xuất, mô hình tổ chức, liên kết sản xuất để nâng cao thu nhập cho nông dân một cách bền vững, xây dựng kế hoạch, thực hiện và tập trung hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu ở 02 thôn đã chọn tại xã Xuân Hải và xã Phước Sơn; phấn đấu đạt bình quân 15-15,5 tiêu chí/xã, có 4-5 xã (*An Hải, Phước Hải, Nhơn Hải, Vĩnh Hải và Lâm Sơn*) và 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

5. Xây dựng bộ máy tinh gọn, kỷ cương, liêm chính, hành động, phục vụ; nâng cao năng lực, bồi dưỡng chính trị tư tưởng công chức, viên chức, người lao động; cải cách hành chính hiện đại, hiệu quả.

a) Tiếp tục triển khai chính sách tinh giản biên chế; rà soát kiện toàn chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị thuộc Sở đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả; giảm đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo mục tiêu giảm 10% đơn vị sự nghiệp công lập đến năm 2020.

b) Tăng cường kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính hợp pháp, đồng bộ thống nhất; Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, cán bộ, công chức trong thi hành nhiệm vụ, công vụ; Xử lý nghiêm và kịp thời cán bộ, công chức có hành vi vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ, những nhiều, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh theo hướng ngày càng tinh gọn các bộ thủ tục hành chính đang triển khai tại các đơn vị thuộc Sở

c) Tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính.



d) Tổ chức triển khai Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong cơ quan đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

đ) Tiếp tục đổi mới phương thức làm việc, lề lối làm việc; ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, xử lý công việc thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc, hệ thống thư điện tử công vụ.

e) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị TW 4 (Khóa XII); Chỉ thị 05-CT/TW; Kế hoạch 84-KH/TU ngày 12/12/2017.

6. Công tác kiểm tra, giám sát

- Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra; công tác phòng chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm; Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 21/4/2017 của UBND tỉnh về tăng cường tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

- Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp: Thức ăn chăn nuôi (*thủy sản, gia súc, gia cầm*), thuốc thú y, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật,...

- Siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước: Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành dự toán đúng quy định pháp luật; quản lý chặt chẽ việc sử dụng tài sản công.

Trên đây là kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm 2019 của Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, các thành viên Ban Giám đốc Sở, thủ trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở có trách nhiệm cụ thể hóa bằng chương trình công tác cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế để thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hàng quý, năm gửi về phòng Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và có ý kiến chỉ đạo tiếp theo./.

KHUNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/QĐ-SNNPTNT ngày 28/01/2019)

STT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo	Đơn vị chủ trì	Chỉ tiêu cần đạt	Thời gian hoàn thành	
I	Tuyên truyền, nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển ngành					
	Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu;	Ban Giám đốc Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở	Cán bộ và nhân dân hiểu và thực hiện đúng	Cả năm 2019	
	Chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn, thủy sản;			Cán bộ và nhân dân hiểu và thực hiện đúng		
	Luật và các văn bản dưới Luật về các lĩnh vực: Thủy lợi, Thủy sản, Trồng trọt, Thú y và Lâm nghiệp			Cán bộ và nhân dân hiểu và thực hiện đúng		
	Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".			Cán bộ, công chức và người lao động hiểu và thực hiện hiệu quả cuộc vận động		
II	Hoàn thành nhiệm vụ tham mưu cho Tỉnh Ủy, HĐND và UBND tỉnh					
	1	Tham mưu Tỉnh ủy				
		Báo cáo Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy về tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu.	Giám đốc Sở	Phòng KHTC	Tham mưu hoàn thành Báo cáo của Tỉnh ủy và Hội nghị sơ kết	Tháng 10/2019
	2	Tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh				
	2.1	Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh	PGĐ Phan Quang Thụ	Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	Tờ trình của Sở, dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh	Tháng 10/2019
	2.2	Nghị quyết quy định vùng nuôi chim yến.	PGĐ Đặng Kim Cương	Chi cục Kiểm lâm	Tờ trình của Sở, dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh	Tháng 10/2019
	2.3	Nghị quyết quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm theo Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ	PGĐ Đặng Kim Cương	Chi cục Thủy lợi	Tờ trình của Sở, dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh	Tháng 5/2019



3	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh								
3.1	Quyết định phê duyệt quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2020;	PGĐ Đặng Kim Cương	Chi cục Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm	Tờ trình của Sở, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 01/2019			
3.2	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND	Giám đốc Sở	Phòng KHHC	Phòng KHHC	Tờ trình của Sở, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 01/2019			
3.3	Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, định hướng đến 2030	Giám đốc Sở	Phòng KHHCN	Phòng KHHCN	Tờ trình của Sở, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 01/2019			
3.4	Quyết định về Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2019-2020	PGĐ Đặng Kim Cương	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	Tờ trình của Sở, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 01/2019			
3.5	Quyết định ban hành Quy định quản lý, khai thác các cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	PGĐ Nguyễn Khắc Lâm	BQL Khai thác các cảng cá	BQL Khai thác các cảng cá	Tờ trình của Sở, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh	Quý II/2019			
3.6	Quy định chính sách, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông	PGĐ Phan Quang Thụ	Trung tâm Khuyến nông	Trung tâm Khuyến nông	Tờ trình của Sở, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh	Quý II/2019			
3.7	Quyết định quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh	PGĐ Phan Quang Thụ	Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y.	Tờ trình của Sở, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh	Sau khi có Nghị quyết của HĐND tỉnh			
3.8	Quyết định quy định vùng nuôi chim yến.	PGĐ Đặng Kim Cương	Chi cục Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm	Tờ trình của Sở, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh	Sau khi có Nghị quyết của HĐND tỉnh			
3.9	Quyết định quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm theo Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ	PGĐ Đặng Kim Cương	Chi cục Thủy lợi	Chi cục Thủy lợi	Tờ trình của Sở, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh	Sau khi Thủ tướng điều chỉnh Quy hoạch CNC quốc gia			
3.10	Đề án xây dựng và phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh	Giám đốc Sở	Phòng KHHCN	Phòng KHHCN	Tham mưu UBND tỉnh báo Tỉnh ủy về Đề án trước khi gửi Bộ Nông nghiệp lâm nghiệp, trình Chính phủ phê duyệt	Sau khi Thủ tướng điều chỉnh Quy hoạch CNC quốc gia			

3.11	Kế hoạch năm 2019 triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 10/10/2016 và Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 11/11/2016	PGĐ Phan Quang Thụ	Phòng KHHC	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch năm 2019 triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 10/10/2016 và Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 11/11/2016	Tháng 02/2019
3.12	Tham mưu tiếp nhận và triển khai dự án muối Quán Thẻ	PGĐ Phan Quang Thụ	Phòng KHHC	Tham mưu hoàn tất hồ sơ tiếp nhận và triển khai dự án muối Quán Thẻ	Năm 2019
III	Tập trung chỉ đạo phát triển nông, lâm và thủy sản theo Đề án Cơ cấu lại ngành nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu				
I	Triển khai các quy hoạch, kế hoạch, đề án, chính sách và theo dõi, đánh giá				
1.1	Đề án "Thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao"	Giám đốc Sở	Phòng KHHCN	Thu hút ít nhất 01 dự án nông nghiệp công nghệ cao	Năm 2019
1.2	Triển khai đề án "Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác nông nghiệp" gắn với việc xây dựng các chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp;	PGĐ Phan Quang Thụ	Chi cục PTNT chủ trì phối hợp với các Chi cục có liên quan	Tham mưu kế hoạch triển khai đề án; Hoàn tất việc giải thể các HTX yếu kém, ngừng hoạt động;	Tháng 02/2019
1.3	Triển khai đề án "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP);			Tham mưu kế hoạch triển khai đề án, phân đầu có 03-05 sản phẩm đạt chuẩn OCOP quốc gia	Năm 2019
2	Cơ cấu lại lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu				
2.1	Chuyển đổi 1.500-2000 ha sang cây trồng cận có hiệu quả, gắn chuỗi giá trị theo hướng bền vững	PGĐ Phan Quang Thụ	1. Phòng KHHCN Sở. 2. Trung tâm Khuyến nông. 3. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	1. Tham mưu tổng hợp Đề án chuyển đổi cây trồng tiết kiệm nước, có hiệu quả kinh tế theo hướng bền vững. 2. Tham mưu Kế hoạch chuyển đổi năm 2019 đạt 1.500-2.000 ha, hỗ trợ các địa phương thực hiện và theo dõi-đánh giá. 3. Kiện quyết không điều tiết nước cho trồng lúa tại khu vực có trong kế hoạch chuyển đổi.	1. Tháng 02/2019 2. Tháng 01/2019 3. năm 2019

(TỈNH)
 VÀ
 HỒN
 X. H.

2.2	<p>Xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản</p>	PGĐ Phan Quang Thụ	<p>1. Chi cục Trồng trọt và BVTV. 2. Trung tâm Khuyến nông. 3. Chi cục Chăn nuôi và Thú y</p>	<p>1. Duy trì 14 liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm (đã xây dựng 2018), xây dựng mới 12 liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt; 2. Triển khai thí điểm mô hình sản phẩm đồng ruộng trên 10ha (Kế hoạch 13,4ha) bằng tia laser trong vụ Hè-Thu 2019 3. Trong chăn nuôi duy trì 03 liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi (đã xây dựng 2018), xây dựng mới 02 liên kết sản xuất gắn với giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và xây dựng thương hiệu sản phẩm chăn nuôi.</p>	<p>1. Năm 2019 2. Vụ Hè Thu 2019 3. Năm 2019</p>
2.3	<p>Tiếp tục nghiên cứu xây dựng thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.</p>	PGĐ Phan Quang Thụ	<p>1. Trung tâm Khuyến nông. 2. Chi cục PTNT.</p>	<p>1. Ưu tiên xây dựng mô hình tại các vùng chuyên đổi cơ cấu cây trồng. 2. Tham mưu xây dựng kế hoạch nhân rộng 2019 và theo dõi, đánh giá</p>	<p>1. Năm 2019. 2. Tháng 01/2019</p>
3	<p>Cơ cấu lại lĩnh vực thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp với luật pháp quốc tế</p>	<p>Cơ cấu lại lĩnh vực thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp với luật pháp quốc tế</p>	<p>Cơ cấu lại lĩnh vực thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp với luật pháp quốc tế</p>	<p>Cơ cấu lại lĩnh vực thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp với luật pháp quốc tế</p>	<p>Cơ cấu lại lĩnh vực thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp với luật pháp quốc tế</p>
3.1	<p>Triển khai đề án "Tổ chức lại nghề khai thác hải sản"</p>	PGĐ Nguyễn Khắc Lâm	<p>Chi cục Thủy sản: 1. Chủ trì 2. Phối hợp LĐLĐ</p>	<p>1. Chăm dứt hoạt động khai thác hải sản bằng nghề vẩy rút mùng; 100% tàu cá khai thác xa bờ, dịch vụ hậu cần xa bờ tham gia "Tổ ngư dân đoàn kết sản xuất trên biển" hoạt động ổn định và hiệu quả; nắm thông tin thống kê 100% tàu cá toàn tỉnh và quản lý tốt hậu cần nghề cá; 100% tàu cá được đăng ký; 100% tàu cá thuộc diện đăng kiểm phải được đăng kiểm; 100% tàu cá còn hạn giấy phép khai thác; 100% tàu cá được cấp số thuyền viên; 100% tàu cá trang bị an toàn trước khi ra biển; 2. Thành lập nghiệp đoàn nghề cá</p>	<p>Năm 2019</p>
3.2	<p>Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách phát triển thủy sản;</p>	PGĐ Nguyễn Khắc Lâm	<p>Chi cục Thủy sản chủ trì phối hợp phòng KHTC</p>	<p>Kịp thời tham mưu hỗ trợ theo đề nghị của ngư dân đảm bảo 100% hồ sơ đúng quy định</p>	<p>Năm 2019</p>
3.3	<p>Thực hiện tốt chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định</p>	PGĐ Nguyễn Khắc Lâm	<p>1. BQL Khai thác các cảng cá; 2. Chi cục Thủy sản</p>	<p>1. Kiểm soát chặt tàu thuyền (thuộc đối tượng kiểm soát) xuất, nhập cảng. 2. Chống khai thác hải sản bất hợp pháp (đặc biệt là vùng biển nước ngoài), không báo cáo và không theo quy định</p>	<p>Năm 2019</p>

3.4	Nâng cao chất lượng nuôi trồng thủy sản	PGĐ Nguyễn Khắc Lâm	Chi cục Thủy sản phối hợp Phòng Nông nghiệp Ninh Hải	<p>1. Tổ chức lại nuôi trồng thủy sản theo hướng ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, cấu trúc vùng đầm Nại thành khu nuôi sinh thái bền vững theo Kế hoạch số 427/KH-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh;</p> <p>2. Quản lý chặt chẽ các vùng nuôi, sản xuất giống thủy sản tập trung của tỉnh; nghiên cứu các quy định pháp luật tham mưu UBND tỉnh ban hành đề án hoặc quy định cơ cấu lại vùng nuôi, vùng sản xuất giống thủy sản tập trung để có cơ sở tổ chức quản lý trong giai đoạn trồng quy hoạch.</p> <p>3. Đánh giá các đối tượng nuôi hiệu quả và tham mưu tổ chức Hội nghị chuyên đề về nuôi thủy sản.</p> <p>- Quản lý, sử dụng hiệu quả nhãn hiệu chứng nhận “tôm giống Ninh Thuận”.</p> <p>-100% tôm giống xuất tinh được kiểm dịch và sử dụng nhãn mác đúng quy định; vận động 01-02 sở sản xuất giống sản xuất theo tiêu chuẩn OIE.</p>	1. Năm 2019; 2. Quý II/2019 3. Quý I/2019
4	Cơ cấu lại lĩnh vực lâm nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu gắn với việc nhân rộng các mô hình sinh kế phát triển kinh tế miền núi		Chi cục Thủy sản; Chi cục Chăn nuôi và Thú y;		Năm 2019
4.1	Triển khai có hiệu quả Quy hoạch 03 loại rừng gắn với phát triển kinh tế miền núi	PGĐ Đặng Kim Cương	Chi cục Kiểm lâm chủ trì phối hợp với các đơn vị chủ rừng	<p>1. Đề xuất các giải pháp quản lý, phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất hiệu quả với điều kiện khó hạn.</p> <p>2. Lập hồ sơ và bộ cơ sở dữ liệu nương rẫy tới từng hộ gia đình; kiểm soát chặt chẽ, chống lấn chiếm, mở rộng nương rẫy vào đất lâm nghiệp.</p> <p>3. Triển khai Đề án phục hồi và trồng rừng mới ở các lưu vực hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh; tập trung trồng có hiệu quả các dự án có trồng rừng thay thế</p> <p>4. Duy trì các mô hình hiện có và nhân rộng mô hình tạo sinh kế nông lâm, chăn nuôi, trồng cây dược liệu... tạo thu nhập cho các hộ dân thông qua Chương trình, dự án bảo vệ và phát triển rừng.</p>	1. Quý I/2019 2,3,4. Năm 2019
4.2	Tăng cường công tác phòng chống phá rừng, phòng chống cháy rừng, vận chuyển lâm sản trái phép.			<p>1. Xây dựng và triển khai hiệu quả Kế hoạch tuyên truyền, tuần tra kiểm soát chống phá rừng, vận chuyển lâm sản trái phép.</p> <p>2. Chủ động xây dựng và triển khai hiệu quả Kế hoạch phòng chống cháy rừng trong mùa khô</p>	1. Tháng 01/2019 2. Quý I/2019
5	Công tác thủy lợi; phòng và ứng phó với thiên tai				

5.1	Thực hiện các giải pháp để đảm bảo nguồn nước sinh hoạt cho nhân dân, nước uống cho gia súc và nước sản xuất	PGĐ Đặng Kim Cương	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	<p>Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch vận hành của từng hệ thống hồ, đập thủy lợi và kế hoạch tưới luân phiên, điều tiết nước hợp lý giữa các kênh trong hệ thống; ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho nhân dân, nước uống cho gia súc, cho các ngành khác theo từng vụ; Quản lý, điều tiết nguồn nước hợp lý; Chủ động làm việc với Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi duy trì mức xả nước từ Nhà máy Thủy điện Đa Nhim theo từng thời kỳ, thời điểm, đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của nhân dân; đảm bảo điện tích tưới 3 vụ đạt 100% theo hợp đồng với các tổ chức dùng nước; hoàn thành 100% kế hoạch tu sửa, nạo vét Thường xuyên; đảm bảo 100% công trình đưa vào sử dụng phát huy tối đa công suất thiết kế.</p>	Các vụ sản xuất trong năm
5.2	Phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn	Giám đốc Sở	<ol style="list-style-type: none"> Chi cục Thủy lợi. Chi cục Thủy lợi chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan. Chi cục Thủy sản 	<ol style="list-style-type: none"> Xây dựng phương án, giải pháp phòng chống bão lũ, hạn hán; hỗ trợ UBND huyện Ninh Phước tổ chức diễn tập ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Tổ chức kiểm tra an toàn các công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai trước mùa mưa lũ; đảm bảo 100% công trình hồ, đập được kiểm tra; Hướng dẫn, trang bị an toàn cho người và phương tiện hoạt động trên biển; Tổ chức công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn trên biển và tại các cảng cá, bến cá. 	<p>1. Quý I/2019</p> <p>2,3.Năm 2019</p>
5.3	Phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi	PGĐ Phan Quang Thụ (phụ trách thú y trên cạn) và PGĐ Nguyễn Khắc Lâm (phụ trách thú y thủy sản)	<ol style="list-style-type: none"> Chi cục Chăn nuôi và Thú y Chi cục Trồng trọt và BVTV 	<ol style="list-style-type: none"> Về Thú y: Tiêm phòng: đạt 80% diện tiêm gia súc gia cầm; 100% động vật quá cảnh qua tỉnh được kiểm tra, kiểm dịch; Chuẩn bị các phương án phòng, ứng phó với dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản, xử lý kịp thời các ổ dịch; giám sát việc buôn bán gia cầm sống...; cấp giấy chứng nhận, kiểm tra chặt chẽ kinh doanh thuốc Thú y, chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y. Về Bảo vệ thực vật: Công tác dự báo phải liên tục, đảm bảo phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời dịch hại trên cây trồng 	Năm 2019

		PGĐ Nguyễn Khắc Lâm trực tiếp chỉ đạo Chi cục Thủy sản	Chi cục Thủy sản	<p>- Quan trắc môi trường nuôi thủy sản 01 lần/tháng; - Thực hiện thống kê đánh giá phân loại 100% doanh nghiệp kinh doanh thức ăn và chế phẩm sinh học phục vụ trong NTTS.</p>	Năm 2019
6	Cung cấp các sản phẩm nông nghiệp an toàn cho người dân	PGĐ Phan Quang Thụ trực tiếp chỉ đạo	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản; Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục Trồng trọt và BVTV; Chi cục Thủy sản; Văn phòng Sở	<p>- Kiểm tra, giám sát, đánh giá xếp loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, sơ chế, chế biến thực phẩm có nguồn gốc nông, lâm, thủy sản - Hỗ trợ các địa phương và doanh nghiệp tiếp tục đầu tư và vận hành có hiệu quả các lò giết mổ tập trung; - Thường xuyên cập nhật, công bố các cơ sở an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp (nông sản, lâm sản và thủy sản) trên trang thông tin để người dân biết và sử dụng.</p>	Năm 2019
IV	Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	PGĐ Đặng Kim Cương trực tiếp chỉ đạo	Trung tâm Nước sạch và VSMT NT	<p>Đảm bảo nước sạch và VSMT nông thôn, nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống cho người dân nông thôn.</p>	Năm 2019
		GD Trịnh Minh Hoàng trực tiếp chỉ đạo	Văn phòng Điều phối xây dựng Nông thôn mới tỉnh và các đơn vị thuộc Sở có liên quan	<p>- Tiếp tục đẩy mạnh công tuyên truyền các chủ trương, chính sách về xây dựng nông thôn mới cho cả hệ thống chính trị và người dân, vận động người dân chủ động, tự giác tham gia xây dựng nông thôn mới; - Lòng ghép các nguồn vốn vào phát triển sản xuất để nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững cho người dân nông thôn; - Xây dựng 5 xã đạt chuẩn NTM; bình quân 15-15,5 tiêu chí/xã; 10 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 01 huyện nông thôn mới; 1-2 thôn NTM kiểu mẫu.</p> <p>Triển khai cho toàn bộ công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành đăng ký "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 Khóa XII phù hợp với đặc thù công tác của từng cá nhân tại các đơn vị khác nhau; thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" và các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của Đảng.</p>	Năm 2019

11/11/2019

V	Cải cách hành chính hiện đại, hiệu quả; hoàn thiện bộ máy và nâng cao năng lực, bồi dưỡng chính trị tư tưởng công chức, viên chức, người lao động	tiếp chi đạo	Phòng Tổ chức cán bộ	<ul style="list-style-type: none"> Sắp xếp bộ máy sau khi có hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm đúng và đủ cán bộ lãnh đạo của ngành 	Năm 2019
		PGĐ Nguyễn Khắc Lâm trực tiếp chi đạo	Phòng Tổ chức cán bộ, KHTC	Triển khai tự chủ kinh phí hoạt động của các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở	Năm 2019
			Văn phòng Sở, các đơn vị trực thuộc	Tăng cường kiểm tra, thanh tra đối với công chức, viên chức về kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ. Xử lý các công chức, viên chức tiêu cực, nhũng nhiễu, không chấp hành kỷ luật, kỷ cương. Nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị thuộc Sở trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương công vụ của đơn vị được giao phụ trách.	Năm 2019
VI	Công tác thanh kiểm tra; công tác phòng chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm chống lãng phí	tiếp chi đạo	Văn phòng Sở, các đơn vị trực thuộc	Tiếp tục duy trì và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của Văn phòng Sở và các Chi cục trực thuộc; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc trên TD-OFFICE trong quản lý, điều hành của toàn Ngành.	Năm 2019
		Giám đốc Sở	Thanh tra Sở	- Thực hiện đạt hiệu quả theo Kế hoạch thanh tra 2019 của UBND tỉnh và của Sở.	Năm 2019
		Các Phó GD	Các Chi cục	- Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp: Thức ăn chăn nuôi (thủy sản, gia súc, gia cầm), thuốc thú y, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật,...	
Giám đốc Sở	Thanh tra Sở và phòng KH-TC	Siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước (<i>tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành dự toán đúng quy định pháp luật, quản lý chặt chẽ việc sử dụng tài sản công</i>)			

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NÔNG LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	So sánh (%) KH 2019/TH 2018
A	B	C	4	5	8=5/4
I	Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp				
1	Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	10.985,872	11.655,000	106,09
	Trong đó:				
	- Nông nghiệp	Tỷ đồng	4.763,582	5.061,500	106,25
	Trong đó: + Trồng trọt	"	3.401,744	3.605,000	105,98
	+ Chăn nuôi	"	1.190,308	1.272,800	106,93
	+ Dịch vụ	"	171,530	183,700	107,09
	- Lâm nghiệp	Tỷ đồng	80,521	88,500	109,91
	- Thủy sản	Tỷ đồng	6.141,769	6.505,000	105,91
	+ Nuôi trồng	"	855,676	860,800	100,60
	+ Sản xuất giống	"	1.007,332	1.076,800	106,90
	+ Khai thác	"	4.278,761	4.567,400	106,75
2	Giá trị sản xuất bình quân trên một ha đất trồng trọt	triệu đồng/ha	115,00	120,00	104,35
3	Diện tích chủ động tưới	ha			
	- Tỷ lệ diện tích được chủ động tưới trong hệ thống thủy lợi	%	51,53	54,57	105,90
4	Sản phẩm chủ yếu:				
	- Sản lượng lương thực có hạt	nghìn tấn	305,514	336,015	109,98
5	Tổng diện tích gieo trồng	ha	81.715	86.000	105,24
	Trong đó:- Đông xuân	"	26.194	26.500	101,17
	- Hè Thu	"	32.113	32.500	101,20
	- Vụ Mùa	"	23.409	27.000	115,34
	Trong đó:				
	- Lúa cả năm: Diện tích	ha	42.940	47.000	109,46
	Năng suất	tạ/ha	59,4	59,9	100,84
	Sản lượng	nghìn tấn	255,028	281,530	110,39
	- Ngô Diện tích	ha	11.726	12.300	104,90
	Năng suất	tạ/ha	42,5	44	103,43
	Sản lượng	nghìn tấn	49,881	54,120	108,50
	- Sắn Diện tích thu hoạch	ha	2.899	3.050	105,21
	Năng suất	tạ/ha	207,3	210,2	101,40
	Sản lượng	nghìn tấn	60,10	64,09	106,65
	- Mía (DT thu hoạch)	ha	3.534	3.400	96,21
	Năng suất	tấn/ha	57,0	57,0	100,07
	Sản lượng	nghìn tấn	201	194	96,28
	- Mía (DT Trồng mới)	"	256	100	39,06
	- Thuốc lá Diện tích	ha	52	70	135,14
	Sản lượng	nghìn tấn	109	140	128,32
	- Cỏ chăn nuôi, khác Diện tích	ha	3.387		
	Sản lượng	nghìn tấn	193,930		
	- Nho Diện tích	ha	1.249	1.300	104,08
	Tr.đó: + Trồng mới	tạ/ha	163,0		-
	+ DT cho sản phẩm	"	1.151,0	1.249	108,51
	Năng suất	tạ/ha	212,4	300	141,24
	Sản lượng	nghìn tấn	24,447	37,470	153,27
	- Táo Diện tích hiện có	ha	1.017	1.030	101,28
	Trong đó: Trồng mới	ha	59	0	-
	Diện tích cho sản phẩm	ha	982	1.017	103,56
	Năng suất	tạ/ha	354,5	315	88,86
	Sản lượng	nghìn tấn	34,812	32,036	92,02

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	So sánh (%) KH 2019/TH 2018
	- Điều Diện tích cho SP	"	2.753	3.790	137,67
	Năng suất	tạ/ha	2,90	3,10	106,90
	Sản lượng	nghìn tấn	0,798	1,175	147,16
	Tr.đó: DT hiện có	ha	4.529		
6	Lâm nghiệp				
	- Trồng mới rừng tập trung	ha	333,49	635,00	190,41
	Trong đó:				
	+ Rừng phòng hộ và rừng đặc dụng	ha	333,49	455,00	136,44
	+ Rừng sản xuất (keo lai ...)	"		180,00	
	- Giao khoán bảo vệ rừng	ha	61.181	61.181	100,00
	Trong đó: - Dự án BVPT Rừng	ha	28.841	28.841	
	'- Chương trình 30a	ha	10.288	10.288	100,00
	'- Dự án JICA2	ha	4.991	4.991	100,00
	'- Dự án SP-RCC	ha	3.146	3.146	100,00
	'- QĐ 24/2012/QĐ-TTg	ha	6.200	6.200	100,00
	'- Dịch vụ MT Rừng	ha	7.715	7.715	100,00
	- Khoanh nuôi tái sinh rừng	ha	5.781	3.544	61,30
	- Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	43,00	46,30	107,67
	- Sản lượng gỗ khai thác	m3	2.040,00		
	+ Gỗ tận dụng)	"			
	+ Gỗ rừng trồng	"	2.040,00		-
7	Chăn nuôi		491.402	525.900	107,02
	<i>Tổng đàn gia súc có sừng</i>		<i>401.062</i>	<i>428.900</i>	<i>106,94</i>
	- Tổng đàn trâu	con	3.845	3.900	101,43
	- Tổng đàn dê	"	135.189	142.000	105,04
	- Tổng đàn cừu	"	142.010	165.000	116,19
	- Tổng đàn bò	"	120.018	118.000	98,32
	Trong đó: Tỷ lệ sinh hóa %	%	41,0	41,50	101,22
	- Tổng đàn lợn	con	90.340	97.000	107,37
	- Tổng đàn gia cầm	1.000 con	1.549,13	1.700,00	109,74
	- Thịt hơi các loại	tấn	28.739	30.700	106,83
	Trong đó:				
	+ Thịt gia súc	tấn	24.447	26.400	107,99
	+ Thịt gia cầm	tấn	4.291	4.300	100,20
8	Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản				
a)	Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	1.180	1.285	108,86
	Tr.đó: Nuôi tôm	"	952	890	93,49
b)	Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản	tấn	117.029	123.315	105,37
	- Sản lượng nuôi trồng thủy sản	tấn	10.244	10.010	97,72
	+ Sản lượng cá nuôi	tấn	552	580	105,07
	+ Sản lượng tôm nuôi	"	7.027	7.170	102,04
	Tôm sú		82	80	97,56
	Tôm thẻ		6.875	7.000	101,82
	Tôm hùm		70	90	128,57
	- Sản lượng NTTS khác	tấn	2.665	2.260	84,80
	- Sản lượng khai thác hải sản	"	106.785	113.305	106,11
	- Năng lực tàu thuyền	Chiếc	2.505	2.520	100,60
		CV	415.937	420.000	100,98
	- Sản lượng sản xuất giống	Triệu	31.133	33.153	106,49
	Trong đó:				
	- Tôm sú	Triệu	6.000	6.000	100,00
	- Tôm thẻ	"	25.000	27.000	108,00
II	Môi trường				
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	43,00	46,30	107,67
2	Tỷ lệ dân nông thôn được cấp nước sinh hoạt	%	93,00	94,00	101,08
III	Phát triển nông thôn				

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	So sánh (%) KH 2019/TH 2018
1	- Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được bình quân/xã	Tiêu chí	14,13	15,50	109,70
2	- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	42,55	53,19	125,01
IV	Kinh tế tập thể				
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	70	71	101,43
	Trong đó: Thành lập mới	"	8	5	62,50

